TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 11/3/2022.
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Vũ Thị Diệu Thúy.

- Ông Vương Như Hoan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tân H - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc *"Kiện ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2021; Thông báo thay đổi thời gian xử số: 05/TB-TA ngày 22/12/2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 06/TB-TA ngày 18/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/02/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1986 *(Có mặt)*.
Địa chỉ: Tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B - Sinh năm 1985 *(Có mặt)*.
Địa chỉ: Tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Cháu Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh ngày 14/12/2006 *(Vắng mặt)*.

2- Cháu Nguyễn Quang H - Sinh ngày 27/3/2012 *(Vắng mặt)*.
Đều có địa chỉ: Tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H.
* Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H bảo vệ quyền lợi cho cháu Nguyễn Thị Ngọc H: Bà Nguyễn Thu Hiền *(Có mặt)*.

3- Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1968 *(Vắng mặt)*.
Địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, H1ện Â, tỉnh H.

4- Chị Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1977 *(Vắng mặt)*.
Địa chỉ: Thôn Th, xã Ngh, H1ện Y, tỉnh H.

* Người làm chứng:

1- Bà Lê Thị D - Sinh năm 1954 *(Vắng mặt)*.

2- Ông Nguyễn Văn B - Sinh năm 1955 *(Vắng mặt).*

3- Ông Lê Duy Th - Sinh năm 1952 *(Vắng mặt).*

4- Bà Đỗ Thị H - Sinh năm 1952 *(Vắng mặt).*

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H.

.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn trình bày như sau:

1/- Về quan hệ hôn nhân:

+ Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Dị Sử *(nay là Uỷ ban nhân dân phường Dị Sử)* ngày 15/02/2006. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình anh B tại Tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, anh B là người chồng gia trưởng và vũ phu nhiều lần đánh chị thâm tím mặt mũi, gia đình chị hỏi thì chị nói dối là bị ngã, mỗi lần vợ chồng cãi nhau là anh đập phá đồ đạc trong nhà, làm tổn tH2 tinh thần chị. Chị đã cố gắng chịu đựng vì không muốn các con sống cảnh thiếu bố hoặc mẹ nhưng anh B không tôn trọng chị, chỉ coi chị là công cụ kiếm tiền cho anh. Cuộc sống ngày càng mâu thuẫn căng thẳng, cho đến tháng 5 năm 2020 anh B đã đánh đuổi chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Hoàng Xuyên - xã Văn Nhuệ - H1ện Ân Thi - tỉnh Hưng Yên sinh sống. Quá trình ly thân vợ chồng không cải thiện được tình cảm, nhiều lần chị muốn lên đón các con nhưng anh B dọa đánh nên chị sợ không dám đón con. Vợ chồng không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm với nhau nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

+ Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh B với chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Dị Sử *(nay là Uỷ ban nhân dân Phường Dị Sử)* ngày 15/02/2006. Sau ngày cưới vợ chồng ở cùng gia đình anh tại tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị H đi làm ăn kinh doanh chung với một người đàn ông khác và thường xuyên vắng nhà chỉ có mặt vào buổi tối, chị H không quan tâm đến việc kinh doanh của gia đình, thua lỗ hay không. Tối chị H về thì ngủ cùng các con, anh ngủ riêng một phòng. Bố con tự nấu nướng ăn uống, chị H không quan tâm. Vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xô xát cãi nhau, anh có tát chị H thì chị H vác gậy đuổi anh làm anh xấu hổ với gia đình và hàng xóm nên phải cố gắng nhịn vì các con. Cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng chị H đã tự ý bỏ đi từ ngày 10/02/2021 đến nay, anh gọi điện về nhà bố mẹ đẻ chị H nhưng bố mẹ chị H cho biết chị H không về đó. Quá trình ly thân vợ chồng không cải thiện được tình cảm, thỉnh thoảng chị H gọi điện hỏi về tình hình của các con. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H, tuy nhiên anh không muốn các con phải sống cảnh thiếu bố hoặc mẹ nên chị H có đơn khởi kiện ly hôn thì anh không nhất trí.

2. Về con chung: Chị H và anh B xác nhận vợ chồng sinh được 02 con chung là: Cháu Nguyễn Thị Ngọc H - sinh ngày 14/12/2006 và cháu Nguyễn Quang H - sinh ngày 27/3/2012. Nếu vợ chồng được ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc H, còn anh B nuôi cháu Nguyễn Quang H. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh Nguyễn Văn B yêu cầu được nuôi cả 02 con và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Chị H và anh B cùng xác định: Vợ chồng được ông Nguyễn Văn B và Lê Thị D *(là bố mẹ đẻ anh B)* tặng cho 01 thửa đất có diện tích 110m^2 tại tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H, trên đất vợ chồng anh chị xây dựng 01 ngôi nhà 03 tầng diện tích 01 sàn khoảng 70m^2 và 01 lán. Năm 2013 anh chị nhận cH1ển nhượng của ông Lê Duy Th và bà Lê Thị H 01 thửa đất diện tích 170m^2 tại tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H, đến năm 2017 anh chị tiếp tục nhận cH1ển nhượng của ông Lê Duy Th và bà Lê Thị H 200m^2 tại tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H. Trên đất nhận cH1ển nhượng anh chị xây dựng 01 lán xưởng khoảng 370m^2 để làm kho chứa hàng.

Nếu ly hôn chị H đề nghị được quản lý sử dụng phần diện tích đất và nhà xưởng 370m^2 tại tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H và được quản lý sử dụng 01 lán diện tích khoảng 40m^2 đất trong tổng diện tích đất 110m^2 tại tổ dân phố Ph, phường D. Chị nhất trí để anh B quản lý sử dụng ngôi nhà 3 tầng trên diện tích khoảng 70m^2.

Anh B yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, nếu không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

4. Về vay nợ:

Chị H và anh B đều xác định: Ngày 22/6/2018 vay nợ cô Nguyễn Thị H ở thôn Tr, xã Đ, H1ện Â, tỉnh H số tiền 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* vay để kinh doanh. Anh chị đều xác định cùng nhau vào nhà bà H vay tiền, nhưng anh B không ký vào giấy vay tiền,

Chị H cho rằng: Anh B có đi về nhà bà H vay tiền cùng chị, nhưng anh B không ký vào giấy vay nợ vì tin tưởng nên chỉ có mình chị ký, số tiền vay chị đã trả tiền nhận cH1ển nhượng thửa đất. Nếu ly hôn chị yêu cầu giải quyết số tiền vay bà H theo theo qui định của pháp luật.

Anh B cho rằng chị H không nói cụ thể với anh vay tiền để làm gì. Khi bà H đưa tiền cho chị H thì chị H ký giấy vay, không bảo anh ký. Số tiền vay 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* chị H quản lý sử dụng, anh không được sử dụng nên không biết sử dụng để làm gì. Nếu ly hôn thì anh không nhất trí trả tiền bà H vì anh không ký vào giấy vay.

Ngày 20/5/2021 anh B vay của chị Nguyễn Thị Th *(Chị gái anh B)* số tiền 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* để dựng lán xưởng vì lán xưởng cũ đã bị hỏa hoạn cháy rụi toàn bộ vào ngày 11/5/2021. Số tiền vay nợ này anh B yêu cầu giải quyết theo qui định của pháp luật.

5. Về công sức, ruộng nông nghiệp: Chị H và anh B đều xác định không có và tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:*** Ngày 22/6/2018 chị H và anh B đến nhà bà hỏi vay bà số tiền 300.000.000đ *(Ba*

trăm triệu đồng) để kinh doanh và mua đất làm xưởng. Hai bên có lập hợp đồng cho cá nhân vay tiền, bà cho anh chị vay tiền gốc không tính lãi. Bà đưa 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* cho anh B và chị H để anh chị cùng đếm, sau đó thì do tin tưởng nên bà chỉ yêu cầu chị H ký vào hợp đồng cho cá nhân vay tiền mà không yêu cầu anh B ký. Nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết số tiền vay theo qui định theo pháp luật, buộc anh B và chị H trả bà.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th trình bày:*** Tháng 5 năm 2021 lán xưởng của vợ chồng anh B, chị H bị hỏa hoạn cháy rụi toàn bộ lán xưởng và hàng hóa trong đó, do anh B có nhu cầu dựng lại lán xưởng để tiếp tục kinh doanh nên ngày 20/5/2021 chị cho anh Nguyễn Văn B vay số tiền 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* để anh B dựng lại lán xưởng tiếp tục kinh doanh phế liệu, vay không thỏa thuận thời hạn trả và không tính lãi. Hai bên có lập giấy tờ vay nợ. Khi đó anh B và chị H đang ly thân, việc chị cho anh B vay thì chị H đang bỏ nhà đi nên chị nghĩ là chị H không biết việc vay nợ này. Nhiều lần chị gọi điện nhưng chị H không nghe máy nên chị cũng chưa thông báo được với chị H số tiền vay này. Nếu chị H và anh B ly hôn thì chị yêu cầu số tiền vay theo qui định theo pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị Ngọc H và cháu Nguyễn Quang H trình bày***: Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng muốn ở với bố để tiện cho việc ăn ở và đi học.

**** Người làm chứng ông Lê Duy Th, bà Đỗ Thị H trình bày:*** Khoảng năm 1990 - 1992 vợ chồng ông bà có san lấp thửa đất ao, thùng vũng nằm liền kề với thửa đất ở của gia đình tại tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H, do thửa đất ao thùng vũng nhiều mồ mả, thùng vũng nên vợ chồng ông đã san lấp và trồng rau để sử dụng đến khoảng năm 2011 thì anh B và chị H có nhu cầu sử dụng nên sang nhà ông bà thỏa thuận cH1ển nhượng thửa đất thùng ao trên. Khi cH1ển nhượng ông bà thỏa thuận thửa đất không có số thửa, không nằm trong bản đồ địa chính của địa pH2, khi nhận cH1ển nhượng anh B và chị H tự làm thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hai bên cH1ển nhượng có làm giấy tờ viết tay có chữ ký của ông bà và anh B, chị H. Giá cH1ển nhượng ông bà không nhớ, số tiền cH1ển nhượng thì ông bà đã nhận đủ 1.320.000.000đ *(Một tỷ, ba trăm hai mươi triệu đồng)*. Sau khi giao nhận đất anh B chị H làm nhà xưởng trên đất để kinh doanh phế liệu. Đến ngày 20/6/2019 chị H sang nhà ông bà nói là xin được mẫu hợp đồng cH1ển nhượng quyền sử dụng đất để xin lại chữ ký của vợ chồng ông bà. Trong hợp đồng cH1ển nhượng quyền sử dụng đất chỉ có chữ ký của ông Th, bà H và chữ ký của chị H mà không có anh B. Nay ông bà không liên quan đến thửa đất và từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án và xin được vắng mặt tại Tòa án khi tòa án giải quyết và xét xử.

**** Người làm chứng bà Lê Thị D trình bày****:* Bà là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn B. Bà tổ chức lễ thành hôn cho anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H năm 2006. Sau ngày cưới anh chị ở cùng gia đình bà tại tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc cho đến khoảng năm 2019 thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H có biểu hiện quan hệ bất chính với người khác, nhưng bà không có chứng cứ. Đến ngày 04/7/2020 vợ chồng cãi nhau, chị H mang con bỏ đi, gia đình bà đón cháu từ trường Hồng Đức về, chị H bỏ đi từ đó đến nay, tH2 các cháu không ai cơm nước cho đi học thì bà

đã về ở cùng anh B. Quá trình ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc nhau, không liên lạc với nhau. Nay chị H làm đơn khởi kiện ly hôn bà đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị về đoàn tụ. Vợ chồng anh chị có cùng gia đình bà tập trung xây nhà 3 tầng trên thửa đất 110m^2 tại tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H. Thửa đất có nguồn gốc vợ chồng bà sang tên cho chị H và anh B, để anh chị vay tiền kinh doanh. Quá trình xây nhà bà cho anh B, chị H 3 vạn gạch trị giá 40.000.000đ, cho 15.000.000đ mua ban thờ. Nếu anh chị cương quyết ly hôn thì bà cho anh B các tài sản trên tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Người làm chứng ông Nguyễn Văn B trình bày:*** Ông là bố đẻ anh Nguyễn Văn B. Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh B mâu thuẫn nên tháng 5 năm 2020 chị H đã bỏ nhà đi ở riêng chỗ khác, ông có gọi điện kH1ên bảo chị H quay về đoàn tụ với anh B để nuôi dạy con chung nhưng chị H không quay về. Nay chị H làm đơn khởi kiện ly hôn, ông đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị về đoàn tụ. Vợ chồng anh B chị H xây nhà 3 tầng trên thửa đất 110m^2 tại tổ tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H. Thửa đất có nguồn gốc cha ông để lại cho vợ chồng ông, năm 2019 vợ chồng ông sang tên tặng cho chị H và anh B, để anh chị vay tiền kinh doanh. Quá trình anh chị xây nhà thì ông có 1,5 cây vàng 9999 tặng cho anh B, chị H để làm nhà. Ông tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 16/4/2021. Ngày 11/5/2021 toàn bộ nhà xưởng lợp tôn trên diện tích đất 335,5m^2 tại tổ dân tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H của chị H và anh B bị hỏa hoạn cháy rụi.

Tòa án đã có công văn gửi công an thị xã M cung cấp thông tin liên quan đến tài sản tranh chấp 335,5m^2 lán xưởng của chị H và anh B bị hỏa hoạn.

Ngày 28/6/2021 Công an thị xã M có công văn số 774/CV-CAMH (PC) về việc phối hợp giải quyết vụ án ly hôn có quan điểm: *"Vào hồi 20 giờ 30 phút ngày 11/5/2021 xảy ra vụ cháy tại 03 Lán xưởng tái chế phế liệu của 03 hộ gia đình tại tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H. Không có thiệt hại và tH2 vong về người, không xác định được thiệt hại và nguyên nhân vụ cháy do chủ cơ sở từ chối khám nghiệm hiện trường và điều tra nguyên nhân vụ cháy, xin tự khắc phục hậu quả".*

Ngày 05/11/2021 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lại tài sản là 01 nhà xưởng lợp tôn trên đất 335,5m^2 tại tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hòa giải được. Vì vậy, phải đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 22/12/2021 Tòa án ra thông báo về việc thay đổi lịch xét xử do hội thẩm nhân dân có lịch tập huấn.

Ngày 18/01/2022 Tòa án ra thông báo về việc thay đổi lịch xét xử do dịch bệnh Covid – 19 có diễn biến phức tạp và bị đơn anh Nguyễn Văn B có đơn đề nghị thay đổi thời gian xét xử.

Ngày 16/02/2022 Tòa án phải hoãn phiên tòa do vắng mặt nguyên đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngày 02/3/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện trong vụ án về tài sản chung vợ chồng và vay nợ do anh chị đã tự thỏa thuận được, tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời chị cung cấp biên bản thỏa thuận giữa chị và anh B về phần tài sản chung vợ chồng và vay nợ.

Chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Th đều có đơn đề nghị nhất trí việc thỏa thuận về vay nợ của chị H và anh B, đều nhất trí với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị H. Đồng thời chị H và chị Th đều từ chối làm thủ tục đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Tại phiên toà hôm nay:

+ Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Văn B vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung: Chị nhất trí theo nguyện vọng của các cháu giao 02 con Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Quang H cho anh B nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu thành niên. Các vấn đề về tài sản, công nợ chị và anh B đã tự thỏa thuận nên tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức và ruộng canh tác chị xác định không có và tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bị đơn, anh Nguyễn Văn B không muốn ly hôn nhưng nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh nhất trí. Anh nhất trí nuôi 02 con đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, vay nợ anh và chị H đã tự thỏa thuận, tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh nhất trí với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị H về toàn bộ nội dung tài sản chung vợ chồng, vay nợ để tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức và ruộng canh tác anh xác định không có và tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

Trợ giúp viên pháp lý cho cháu Nguyễn Thị Ngọc H: Bà Nguyễn Thu Hiền - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị H với anh B và giao con cho anh B nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Toà án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; lập biên bản hòa giải; Biên bản làm việc giải thích pháp luật cũng như ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh B. Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh ngày 14/12/2006 và cháu Nguyễn Quang H - Sinh ngày 27/3/2012 cho anh B

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và vay nợ: Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 217, khoản 3 điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị H về tài sản chung vợ chồng và vay nợ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung vợ chồng và vay nợ.

Các vấn đề khác: Công sức và ruộng nông nghiệp: Anh, chị đều xác định không có và tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại chị H tiền tạm ứng án phí về chia tài sản theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho cháu Nguyễn Thị Ngọc H, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã D*(Nay là phường D)* vào ngày 15/02/2006 được chứng minh trong sổ đăng ký kết hôn số tứ tự 29/2006 là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị H khởi kiện ly hôn với anh B, nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh B có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố Ph, phường D, thị xã M, tỉnh H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, cháu Nguyễn Quang H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Th đều vắng mặt lần thứ 2; Người làm chứng là bà Lê Thị D, ông Nguyễn Văn B, ông Lê Duy Th, bà Đỗ Thị H cũng đều vắng mặt lần 2 nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: * Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của chị H và anh B đều đã rõ, vợ chồng ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Anh B cũng đã xác định, anh chị thường xuyên cãi nhau và có xô xát do những mâu thuẫn trong cuộc sống. Anh chị đã không có tiếng nói chung trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế và trong sinh hoạt hàng ngày nên đã phát sinh những bất đồng, mâu thuẫn không hóa giải được. Anh B cho rằng chị H đi làm suốt ngày không quan tâm đến cuộc sống sinh hoạt của chồng con cũng là nguyên nhân để anh chị bất đồng quan điểm. Anh chị cùng chung sống trong một nhà nhưng đã tự ngủ riêng không quan tâm chăm sóc nhau cũng cho thấy hôn nhân của anh chị đã rạn nứt. Chị H cho rằng anh B tính tình gia trưởng, cứ mỗi lần vợ chồng cãi nhau là anh đập phá đồ dùng trong nhà gây cho chị những ảnh hưởng về tinh thần; Bà D và ông B là bố mẹ đẻ anh B cũng

chứng kiến những mâu thuẫn của anh chị. Tháng 5 năm 2020 anh chị mâu thuẫn xô xát nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sau đó bỏ ra ngoài ở riêng. Quá trình ly thân anh B có liên lạc nhưng chị H kiên quyết không quay về đoàn tụ. Nay chị H xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn và chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh B ban đầu mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, nhưng đến nay anh cũng nhất trí ly hôn. Cho thấy thấy tình cảm yêu tH2 gắn bó giữa anh chị không còn, phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng là mâu thuẫn đã trầm trọng, có đầy đủ căn cứ cho ly hôn. Vì vậy, Tòa án sẽ chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị H và giải quyết cho chị H được ly hôn với anh B.

*** Về con chung**: Chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Văn B có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh ngày 14/12/2006 và cháu Nguyễn Quang H1 - Sinh ngày 27/3/2012. Quá trình giải quyết các cháu H và H1 đều có nguyện vọng mong muốn được ở với bố để thuận lợi cho việc ăn ở và đi học của các cháu.

Tại phiên tòa, chị H nhất trí giao cả 02 con cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu thành niên. Anh B nhất trí nuôi 02 con và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của hai cháu H và H1 cũng như quan điểm của chị H, anh B là phù hợp thực tế và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt đối với các cháu nhất vì hiện tại các cháu đang ở cùng anh B và đi học ổn định, tránh việc xáo trộn thay đổi ảnh hưởng đến cuộc sống, việc học tập của các cháu nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận nguyện vọng của các cháu H và H1 cũng như quan điểm của anh B và chị H giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H và cháu Nguyễn Quang H1 cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Về tài sản chung vợ chồng và công nợ**: Quá trình giải quyết vụ án chị H có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng và công nợ. Tuy nhiên ngày 02/3/2022 chị Nguyễn Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về toàn bộ yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung vợ chồng và công nợ do vợ chồng đã tự thỏa thuận được, tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B nhất trí về việc chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản và công nợ này; Chị Nguyễn Thị H2 và chị Nguyễn Thị Th cũng đều có đơn đề nghị nhất trí việc thỏa thuận về vay nợ của chị H và anh B và nhất trí với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị H. Đồng thời chị H2 và chị Th đều từ chối đến Tòa án làm thủ tục yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị H về yêu cầu giải quyết tài sản chung vợ chồng và công nợ.

Đối với phần tài sản chung của vợ chồng và công nợ nếu sau này chị H, anh B, chị H2 và chị Th có yêu cầu khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết trong một vụ kiện dân sự khác.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Đối với việc chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện trong vụ án

về phần tài sản chung vợ chồng và vay nợ nên tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị H đã nộp sẽ được trả lại cho chị H theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:** - Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H; Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh ngày 14/12/2006 và cháu Nguyễn Quang H1 - Sinh ngày 27/3/2012 cho anh Nguyễn Văn B nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn B không yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị H có quyền thăm và chăm sóc con chung; Không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung vợ chồng và công nợ: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về phần tài sản chung vợ chồng và công nợ.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết một phần vụ án: Chị H, anh B, chị H2 và chị Th có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ kiện dân sự khác.

4. Về công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004361 ngày 26/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào là 23.000.000đ *(Hai mươi ba triệu đồng)*. Trả lại chị H số tiền 22.700.000đ (*Hai mươi hai triệu, bảy trăm nghìn đồng*). Chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã M;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Phòng KTNV và THA - Toà án tỉnh H;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND phường D;
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Thế Dương